

BẢNG TỔNG HỢP
KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU
SO VỚI NGHỊ QUYẾT HĐND HUYỆN GIAO NĂM 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu Nghị quyết số 123/NQ-HĐND	Thực hiện 9 tháng 2024	Ghi chú
A	Nhóm chỉ tiêu về kinh tế				
1	Tốc độ tăng trưởng	%			
2	Cơ cấu kinh tế				
	Khu vực I (Nông nghiệp)	%			
	Khu vực II (Công nghiệp - Xây dựng)	%			
	Khu vực III (Dịch vụ)	%			
3	Giá trị sản xuất bình quân đầu người	Trđ/ng/năm			
4	Sản phẩm chủ yếu				
	- Sản lượng lúa	tấn			
	- Sản lượng ngô	tấn			
	- Đàn trâu	con	357	357	
	- Đàn bò	con	198	198	
	- Đàn heo	con	380	380	
	- Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	tấn	380	380	
	- Sản lượng thủy sản nuôi trồng	tấn	25	25	
	- Sản lượng thủy sản khai thác	tấn	0,2	0,2	
	- Diện tích nuôi trồng	ha	0,03	0,03	
5	Số tiêu chí bình quân xây dựng nông thôn mới	trụ sở xã	10/19	10/19	
6	Phân đầu thu ngân sách so với dự toán tính giao	%	57,89	52,63	
7	Số trường đạt chuẩn quốc gia				
	Mầm non	trường	0	0	
	Tiểu học và Trung học cơ sở	trường	0	0	
8	Số giường bệnh/vạn dân	Giường bệnh			
	Số bác sĩ/vạn dân	Bác sĩ			
	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn dân	%			
	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi (thể cân nặng)	%			
9	Dân số, lao động				
	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰			
	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%			
10	Tỷ lệ hộ nghèo giảm	%			
11	Tỷ lệ hộ gia đình văn hoá	%			
	Tỷ lệ thôn, TDP văn hoá	%			
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị văn hoá	%			
12	Tỷ lệ che phủ rừng	%		86,30	
13	Tỷ lệ dân số NT được cung cấp nước hợp vệ sinh	%			
14	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý	%			
	Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý	%			
15	Tỷ lệ hộ sử dụng điện	%			
16	Tuyển quân	%	100	100,0	
	Xã, TT vững mạnh về QP	%			
	<i>Trong đó: vững mạnh toàn diện</i>	%	100	100,0	
17	Xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự"	%	100	100,0	
	Doanh nghiệp, cơ quan, trường học đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự"	%			